

Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 19-3-2024.
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Hoàng Hiếu
- Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/3/2024.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thái T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2023 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé C trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu, quen biết nhau trước, chị và anh Nguyễn Thái T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre, vào ngày 08/7/2013. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc cùng nhau lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống anh chị thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau, thường xuyên cự cãi, cả hai không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, không khí trong gia đình không vui vẻ, hạnh phúc như trước đây. Nay chị nhận thấy anh chị không thể tiếp tục sống

cùng với nhau, cả hai không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có con chung.

Về chia tài sản:

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ ai.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Thái T trình bày như sau:

Anh thống nhất phần trình bày của chị Nguyễn Thị Bé C về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Về nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh chị mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau. Anh chị chính thức sống ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh đồng ý ly hôn với chị C do không còn tình cảm.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có con chung.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé C có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/3/2024 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Bé C và anh Nguyễn Thái T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu mất hạnh phúc. Anh chị thống nhất nguyên nhân mất hạnh phúc là do mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi nhau và sống ly thân. Chị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh T. Tại phiên tòa, anh T đồng ý ly hôn với chị C do không còn tình cảm.

Xét thấy, sau khi kết hôn chị C và anh T đã có thời gian dài sống hạnh phúc với nhau nhưng chỉ vì những mâu thuẫn trong cuộc sống mà anh chị sống bỏ mặc, không quan tâm nhau. Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí

hàn gắn đoàn tụ. Chị C và anh T đều có nguyện vọng được ly hôn do không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị không có con chung nên không xem xét, giải quyết.

[4] *Về chia tài sản*:

[4.1] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.2] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Bé Chính phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bé C.

Chị Nguyễn Thị Bé C được ly hôn với anh Nguyễn Thái T.

2. *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống, anh chị không có tài sản chung nên không xem xét giải quyết.

3. *Về chia tài sản*:

3.1. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3.2. Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, anh chị không có nợ ai nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Bé C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị C đã nộp theo biên lai thu số 0003812 ngày 23/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- UBND xã Cẩm Sơn (74, 08/7/2013) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang